

Bản án số: 48/2019/DSST

Ngày: 20.11.2019

V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Lê Thị Nhớ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20.11.2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thanh Khê, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2019/QĐST-DS, ngày 28.10.2019 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP T; Trụ sở: Số 57 đường L, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội - Người đại diện theo pháp luật ông Đỗ Minh P - Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Người đại theo ủy quyền ông Đỗ Tuấn T - Trưởng phòng xử lý nợ Miền Bắc TPBank; ông Nguyễn Anh T - Chuyên viên chính phòng xử lý nợ Miền Bắc TPBank; ông Phạm Phương L - Trưởng nhóm khách hàng cá nhân - TP Bank chi nhánh Đà Nẵng (*Ông T, ông T vắng mặt; ông L có mặt*).

+ *Bị đơn:* Bà Trần Thị Bích S - sinh năm 1963, địa chỉ: K75/16E đường L, phường P, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn như sau:

Ngày 10.3.2016 bà Trần Thị Bích S đã ký kết hợp đồng tín dụng cho vay số 24-03.16/TTBMT/HĐTD/TPBANK với Ngân hàng TMCP T vay số tiền 720.000.000 đồng; lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên đến ngày 11/9/2017 là 7.7%/năm, lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần vào ngày 11 và bằng lãi suất cơ sở kỳ hạn 03

tháng bằng VNĐ của TPBank + biên độ 4,55%/năm, mục đích để mua ô tô tiêu dùng, thời hạn vay 72 tháng, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng ngày 11/3/2022; kỳ hạn trả nợ lãi 01 tháng/lần vào ngày 05. Ngày trả lãi đầu tiên ngày 05/4/2016. Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả nợ nhiều lần theo lịch trả nợ cho TPBank gửi khách hàng định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05, ngày trả gốc đầu tiên là ngày 05/4/2016. Ngân hàng đã giải ngân cho bà S số tiền nêu trên vào ngày 11/3/2016. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà S đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 184.893.131 đồng; trong đó tiền gốc 129.889.464 đồng, tiền lãi 56.935.244 đồng. Như vậy, tính đến ngày 20.11.2019, Bà S còn nợ Ngân hàng số tiền gốc: 590.110.536 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn: 1.452.500 đồng, nợ lãi quá hạn: 129.573.126 đồng; lãi phạt chậm trả 74.427.251 đồng; phạt gốc chậm trả 32.664.894 đồng. Tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA; số loại SORENTO XM 24G E2 AT-2WD; màu trắng, Giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 019912 do Phòng cảnh sát giao thông, Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 07/3/2016 do bà Trần Thị Bích S đứng tên chủ sở hữu.

Kể từ ngày 28/04/2019 đến nay bà S đã không trả bất cứ khoản nợ nào, mặc dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Nay Ngân hàng yêu cầu bà Trần Thị Bích S phải thanh toán toàn bộ số nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng đã ký kết bao gồm nợ gốc 590.110.536 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn: 1.452.500 đồng, nợ lãi quá hạn: 129.573.126 đồng; lãi phạt chậm trả 74.427.251 đồng; phạt gốc chậm trả 32.664.894 đồng (lãi tính đến ngày 20.11.2019). Ngoài ra bà S còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng kể từ ngày 21/11/2019 theo Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thi hành xong toàn bộ khoản nợ. Nếu bà S không trả số tiền nêu trên thì đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản là xe ô tô do bà S đứng tên chủ sở hữu để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn bà Trần Thị Bích S, mặc dù Tòa án đã gửi thông báo thụ lý nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn; thông báo phiên hòa giải đúng thủ tục tố tụng và đã thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng bà S vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên

Đại diện VKS nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện buộc bà S phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng bao gồm cả gốc và lãi trong hạn, quá hạn, và lãi phạt là 828.228.307 đồng (lãi tính đến ngày 20/11/2019) là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại các Điều 471, 474, 475 Bộ luật dân sự 2005 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Trần Thị Bích S tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Bích S.

[2] Về nội dung: Theo Hợp đồng tín dụng cho vay số 24-03.16/TTBMT/HĐTD/TPBANK, ngày 10.3.2016 giữa bà Trần Thị Bích S với Ngân hàng TMCP T thì bà S vay của Ngân hàng số tiền 720.000.000 đồng; lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên đến ngày 11/9/2017 là 7.7%/năm, lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần vào ngày 11 và bằng lãi suất cơ sở kỳ hạn 03 tháng bằng VNĐ của TPBank + biên độ 4,55%/năm, mục đích để mua ô tô tiêu dùng, thời hạn vay 72 tháng, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng ngày 11/3/2022; kỳ hạn trả nợ lãi 01 tháng/lần vào ngày 05. Ngày trả lãi đầu tiên ngày 05/4/2016. Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả nợ nhiều lần theo lịch trả nợ cho TPBank gửi khách hàng định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05, ngày trả gốc đầu tiên là ngày 05/4/2016; Quá trình thực hiện Hợp đồng bà S đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 184.893.131 đồng; trong đó tiền gốc 129.889.464 đồng, tiền lãi 56.935.244 đồng (lãi tính đến ngày 27/4/2017. Kể từ ngày 28/4/2017 đến ngày 20.11.2019 bà Sơn còn nợ Ngân hàng số tiền 828.228.307 đồng; trong đó tiền gốc: 590.110.536 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.452.500 đồng, nợ lãi quá hạn: 129.573.126 đồng; lãi phạt chậm trả 74.427.251 đồng; phạt gốc chậm trả 32.664.894 đồng.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bà S phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cả gốc, lãi trong hạn, quá hạn; lãi phạt cho Ngân hàng là 828.228.307 đồng (lãi tính đến ngày 20.11.2019). Nếu bà S không trả số tiền nêu trên thì đề nghị Tòa án cho phát mãi tài sản là xe ô tô do bà S đứng tên chủ sở hữu để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP T thì thấy: Hợp đồng tín dụng cho vay số 24-03.16/TTBMT/HĐTD/TPBANK, ngày 10.3.2016 giữa Ngân hàng TMCP T và bà Trần Thị Bích S là hợp đồng cho vay có tài sản bảo đảm, phù hợp với nội dung, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà S đã nhận đủ số tiền để mua xe ô tô tiêu dùng là 720.000.000đ có chứng từ giải ngân và kiêm khế ước nhận nợ số 24-03.16, ngày 11/3/2016. Bà Trần Thị Bích S đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 184.893.131 đồng; trong đó tiền gốc 129.889.464 đồng và tiền lãi đến ngày 27/4/2017 là 56.935.244 đồng. Kể từ ngày 28/4/2017 đến nay, bà S không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào nữa dù mặc dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Như vậy, bà S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm các cam kết

trong Hợp đồng cho vay và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Tiên Phong, buộc bà Trần Thị Bích S phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ là 828.228.307 đồng. Trong đó, số tiền gốc 590.110.536 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.452.500 đồng, nợ lãi quá hạn: 129.573.126 đồng; lãi phạt chậm trả 74.427.251 đồng; phạt gốc chậm trả 32.664.894 đồng (lãi tính từ ngày 28/4/2017 đến ngày 20.11.2019) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự 2005.

[5] Ngoài ra, Kể từ ngày 21/11/2019, bà S phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP T theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết cho đến khi thi hành án xong.

[6] Xét yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp thì thấy: Căn cứ vào thỏa thuận của các bên về thế chấp tài sản, tại hợp đồng thế chấp tài sản số 24-03.16 (áp dụng đối với động sản), được Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng chứng nhận có số đăng ký là 1206648181, hiệu lực đăng ký từ ngày 10/3/2016 bên bảo đảm là bà Trần Thị Bích S. Do đó, căn cứ quy định tại điều 355 Bộ luật dân sự 2005 Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp khi bà S không trả được nợ.

[7] Sau khi bà Trần Thị Bích S trả hết toàn bộ số nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho vay số 24-03.16/TTBMT/HĐTD/TPBANK, ngày 10.3.2016 và chấm dứt thế chấp theo hợp đồng thế chấp thì Ngân hàng phải hoàn trả cho bà Trần Thị Bích S giấy tờ về tài sản thế chấp, đồng thời yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xóa đăng ký theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí DSST: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bị đơn phải chịu trên số tiền phải trả 828.228.307 đồng là 36.846.849 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 471, 472, 473, 474; 355 Bộ luật dân sự 2005;
- Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng cho vay" của Ngân hàng TMCP T đối với bị đơn bà Trần Thị Bích S.

Xử: Buộc bà Trần Thị Bích S phải trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền: 828.228.307 đồng (Tám trăm hai mươi tám triệu hai trăm hai mươi tám ngàn ba trăm lẻ bảy đồng). Trong đó tiền gốc: 590.110.536 đồng, lãi trong hạn: 1.452.500 đồng, lãi quá hạn: 129.573.126 đồng; lãi phạt chậm trả 74.427.251 đồng; phạt gốc chậm trả 32.664.894 đồng (lãi tính từ ngày 28/4/2017 đến ngày 20.11.2019).

Bà Trần Thị Bích S còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP T kể từ ngày 21/11/2019 trên số tiền gốc chưa thanh toán theo hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết cho đến khi thi hành án xong.

Xử lý tài sản thế chấp: Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA; số loại SORENTO XM 24G E2 AT-2WD; màu trắng, Giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 019912 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 07/3/2016 do bà Trần Thị Bích S đứng tên chủ sở hữu được xử lý trong trường hợp bà Trần Thị Bích S không thực hiện đúng thoả thuận trả nợ nêu trên.

Sau khi bà Trần Thị Bích S trả hết toàn bộ số nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho vay số 24-03.16/TTBMT/HĐTD/TPBANK, ngày 10.3.2016 và chấm dứt thế chấp theo hợp đồng thế chấp thì Ngân hàng phải hoàn trả cho bà Trần Thị Bích S giấy tờ về tài sản thế chấp, đồng thời yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xóa đăng ký theo quy định của pháp luật.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm: 36.846.849 đồng (Ba mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi sáu ngàn tám trăm bốn mươi chín đồng), bà Trần Thị Bích S phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí 14.598.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm chín mươi tám ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 3985 ngày 16 tháng 7 năm 2018.

Án xử công khai sơ thẩm Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án, trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKS nhân dân quận Thanh Khê ĐN;
- THA dân sự quận Thanh Khê ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lưu Thị Hằng